

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Quang Tảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Hà	Ủy viên
Ông Lê Minh Thành	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Quang Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2023)
Ông Phạm Quang Trung	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 12 năm 2023)
Bà Đặng Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Quang Tảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Việt Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 022802/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh V.11, Công trình Dự án Cầu Giấy đang theo dõi trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 82.812.270.330 đồng hiện đang làm thủ tục xin Giấy phép Xây dựng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

A blue ink signature of Kiều Mạnh Long.

Kiều Mạnh Long
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5727-2023-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370.533.482.066	381.710.237.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96.773.515.821	125.267.773.127
1. Tiền	111		86.473.515.821	119.967.773.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.300.000.000	5.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	23.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.134.499.445	235.247.920.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	170.483.630.260	167.045.670.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	45.974.467.489	38.533.336.111
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	25.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.058.624.541	5.051.136.835
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(382.222.845)	(382.222.845)
IV. Hàng tồn kho	140		23.967.060.332	13.547.852.002
1. Hàng tồn kho	141	V.7	23.967.060.332	13.547.852.002
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		658.406.468	646.691.613
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		435.591.101	139.002.325
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	222.815.367	507.689.288
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.629.372.664	100.031.643.169
I. Tài sản cố định	220		10.129.772.788	17.603.088.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9.810.283.577	15.319.150.776
- Nguyên giá	222		37.802.975.486	46.357.787.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.992.691.909)	(31.038.637.160)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	319.489.211	2.283.937.987
- Nguyên giá	228		867.630.000	5.715.975.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(548.140.789)	(3.432.037.380)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.926.566.862	80.455.390.461
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	82.926.566.862	80.455.390.461
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		135.333.400	135.333.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		415.333.400	415.333.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(280.000.000)	(280.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.437.699.614	1.837.830.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.437.699.614	1.837.830.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		465.162.854.730	481.741.880.704

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		404.748.511.199	419.589.145.922
I. Nợ ngắn hạn	310		294.796.330.134	313.722.310.311
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	189.368.114.037	143.359.711.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	51.973.592.767	127.368.401.324
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	357.249.058	2.648.246.002
4. Phải trả người lao động	314		2.286.174.000	1.001.802.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	841.196.860	60.417.880
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	30.455.319.352	37.565.843.373
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	17.866.717.933	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.000.000.000	996.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		647.966.127	721.888.379
II. Nợ dài hạn	330		109.952.181.065	105.866.835.611
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	109.952.181.065	105.866.835.611
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.414.343.531	62.152.734.782
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	60.414.343.531	62.152.734.782
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.306.808.095	4.306.808.095
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	590.148.939
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.107.535.436	7.255.777.748
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		590.148.939	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.517.386.497	7.255.777.748
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		465.162.854.730	481.741.880.704


Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập biểu


Trần Thị Tân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		688.261.159.546	401.629.893.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	688.261.159.546	401.629.893.995
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	664.119.234.076	380.493.076.615
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.141.925.470	21.136.817.380
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.857.695.808	3.145.301.885
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.496.179.785	2.636.443.182
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.044.624.012	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.817.007.288	12.412.941.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.686.434.205	9.232.735.062
11. Thu nhập khác	31	VI.6	129.175.785	695.752.507
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.893.241.678	774.553.895
13. Lợi nhuận khác	40		(4.764.065.893)	(78.801.388)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.922.368.312	9.153.933.674
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.404.981.815	1.898.155.926
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.517.386.497	7.255.777.748
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.027	1.350


Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập biểu


Trần Thị Tân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.922.368.312	9.153.933.674
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.303.909.931	2.857.381.903
Các khoản dự phòng	03	4.000.000	662.222.845
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.989.642)	(872.661.327)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.449.290.240	(2.034.398.326)
Chi phí lãi vay	06	1.044.624.012	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.714.202.853	9.766.478.769
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.639.377.343)	(26.855.095.612)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.419.208.330)	1.410.813.105
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(33.094.597.222)	79.533.435.476
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	400.130.931	796.225.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.520.000.000)	(2.448.563.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(49.558.849.111)	62.203.293.317
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.471.176.401)	(7.060.138.255)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	292.749.159	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(56.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	65.000.000.000	19.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.427.366.645	2.034.398.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.248.939.403	(16.025.739.929)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	33.257.695.553	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.390.977.620)	(300.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.792.149.367)	(7.998.154.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.074.568.566	(8.298.154.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.235.341.142)	37.879.399.388
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	125.267.773.127	87.404.967.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(258.916.164)	(16.594.001)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	96.773.515.821	125.267.773.127


Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập biểu


Trần Thị Tân Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Nhà nước giữ cổ phần chi phối được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty Điện tử Tin học hóa chất, trực thuộc Viện khoa học và Công nghệ quân sự thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 4570/QĐ-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100306030 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 06 năm 2010. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 05 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện, đồ điện dân dụng, thiết bị điện chiếu sáng, thiết bị dây dẫn điện các loại, dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), thùng bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, các cấu kiện kim loại, sản phẩm từ plastic, hóa chất cơ bản (trừ các loại hóa chất Nhà Nước cấm), plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, đá, cát, sỏi, đất sét, quặng kim loại quý hiếm (trừ các loại Nhà Nước cấm), quặng kim loại khác không chứa sắt, quặng sắt;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, thiết bị liên lạc;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh; hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị Thành viên như sau:

Tên Đơn vị

- Bộ phận kinh doanh tổng hợp
- Ban Đầu tư dự án Cầu Giấy

Địa chỉ

Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội

Lô B1F Khu Công nghệ thông tin tập trung Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Công ty có trụ sở tại số 8 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 02 địa điểm kinh doanh tại: Số 19, phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và Số 444 đường Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 38 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 38 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá gốc của hàng hóa theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm quản lý	03 - 04
Tài sản cố định vô hình khác	30

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí thuê đất và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng**Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:**

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	322.614.237	328.827.250
Tiền gửi ngân hàng	86.150.901.584	119.638.945.877
Các khoản tương đương tiền (*)	10.300.000.000	5.300.000.000
Cộng	96.773.515.821	125.267.773.127

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 3%/năm đến 5,8%/năm, trả lãi cuối kỳ và sẽ thay đổi khi tái tục theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 03 khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Khoản tiền gửi 12.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm, trả lãi cuối kỳ và sẽ thay đổi khi tái tục theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.
- Khoản tiền gửi 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn 6 tháng, lãi suất 7,7%/năm, trả lãi cuối kỳ và sẽ thay đổi khi tái tục theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.
- Khoản tiền gửi 6.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội, thời hạn 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm, trả lãi cuối kỳ và sẽ thay đổi khi tái tục theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng hoạt động thương mại	139.495.905.716	133.868.667.331
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	30.587.168.257	32.555.768.674
Phải thu khách hàng hoạt động dịch vụ	400.556.287	621.234.687
Cộng	170.483.630.260	167.045.670.692

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước người bán hoạt động thương mại	44.648.727.340	37.262.542.763
Trả trước người bán hoạt động xây dựng	1.299.865.149	1.266.659.348
Trả trước người bán hoạt động dịch vụ	25.875.000	4.134.000
Cộng	45.974.467.489	38.533.336.111

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	1.158.454.338	2.366.041.532
Ký cược, ký quỹ	580.711.838	704.045.516
Phải thu ngắn hạn khác	8.319.458.365	1.981.049.787
Trong đó:		
- Lãi tiền gửi dự thu	194.082.192	-
- Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội	86.179.386	86.179.386
- Phải thu khác	8.039.196.787	1.894.870.401
Cộng	10.058.624.541	5.051.136.835
Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	86.179.386	86.179.386

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê đất tại nhà máy Quang Minh	1.295.841.452	1.336.870.736
Chi phí sửa chữa, cải tạo	66.258.162	419.782.913
Chi phí trả trước khác	75.600.000	81.176.896
Cộng	1.437.699.614	1.837.830.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	66.152.500	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.984.029.592	-	9.319.106.712	-
Hàng hoá	19.983.030.740	-	4.162.592.790	-
Cộng	23.967.060.332	-	13.547.852.002	-

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a) Các khoản phải thu

Thuế giá trị gia tăng	51.887.600	-	51.887.600	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.319.903	435.874.927	459.194.830	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	128.336.894	2.068.696.110	1.708.614.686	488.418.318
Thuế khác	19.270.970	8.362.334	8.362.334	19.270.970
Cộng	222.815.367	2.512.933.371	2.228.059.450	507.689.288

b) Các khoản phải trả

Thuế giá trị gia tăng	-	651.350.592	1.711.239.643	1.059.889.051
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.049.756.582	16.049.756.582	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	142.892.883	142.892.883	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	357.249.058	1.404.981.815	2.520.000.000	1.472.267.243
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	116.089.708	116.089.708
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	6.376.231.386	6.376.231.386	-
Cộng	357.249.058	24.625.213.258	26.916.210.202	2.648.246.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	31.016.325.398	13.118.931.984	2.083.327.181	139.203.373	46.357.787.936
Thanh lý, nhượng bán	(1.180.220.391)	(7.374.592.059)	-	-	(8.554.812.450)
Số dư cuối năm	29.836.105.007	5.744.339.925	2.083.327.181	139.203.373	37.802.975.486
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	23.405.995.627	5.808.553.446	1.687.436.981	136.651.106	31.038.637.160
Khấu hao trong năm	754.613.639	830.247.464	206.551.413	2.552.267	1.793.964.783
Thanh lý, nhượng bán	(1.180.220.391)	(3.659.689.643)	-	-	(4.839.910.034)
Số dư cuối năm	22.980.388.875	2.979.111.267	1.893.988.394	139.203.373	27.992.691.909
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	7.610.329.771	7.310.378.538	395.890.200	2.552.267	15.319.150.776
Số dư cuối năm	6.855.716.132	2.765.228.658	189.338.787	-	9.810.283.577

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13.775.204.858 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 12.526.314.002 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm quản lý		Tài sản cố định vô hình khác		Tổng
	VND		VND		VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
	Số dư đầu năm	710.780.000		4.963.145.367		42.050.000	5.715.975.367
	Thanh lý, nhượng bán	-		(4.848.345.367)		-	(4.848.345.367)
Số dư cuối năm		710.780.000		114.800.000		42.050.000	867.630.000
HAO MÒN LŨY KẾ							
	Số dư đầu năm	390.709.325		3.023.807.212		17.520.843	3.432.037.380
	Khấu hao trong năm	23.708.941		484.834.527		1.401.680	509.945.148
Thanh lý, nhượng bán		-		(3.393.841.739)		-	(3.393.841.739)
Số dư cuối năm		414.418.266		114.800.000		18.922.523	548.140.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
	Số dư đầu năm	320.070.675		1.939.338.155		24.529.157	2.283.937.987
	Số dư cuối năm	296.361.734		-		23.127.477	319.489.211

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 114.800.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 114.800.000 đồng).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
114.296.532	114.296.532
82.812.270.330	80.341.093.929
82.926.566.862	80.455.390.461

Chi phí là mạ vuông
Công trình dự án Cầu Giấy (*)
Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

(*) Khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang này gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất, thuế đất, chi phí lương ban quản lý dự án, chi phí lãi vay được vốn hóa. Dự án Cầu Giấy ban đầu là Dự án xây dựng nhà máy thể, thuộc cụm Công nghiệp nhỏ Cầu Giấy. Dự án này đã có đầy đủ giấy phép xây dựng và đã tiến hành xây dựng đến tầng 2. Tuy nhiên, sau đó UBND Thành phố Hà Nội có sự thay đổi về việc điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch dự án. Công ty đã chuyển Dự án xây dựng nhà máy thể sang Khu công nghiệp Quang Minh (đã xây dựng xong). Phần đất tại Cầu Giấy được tiến hành xây với mục đích của dự án: Tổ hợp Văn phòng, khách sạn, dịch vụ. Dự án tiếp tục được thực hiện dưới hình thức hợp tác đầu tư để thực hiện dự án mới (sau này theo đổi là Dự án Cầu Giấy). Theo Quyết định số 5513/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND TP. Hà Nội về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng do nguyên nhân bất khả kháng dịch bệnh Covid 19 đối với sử dụng đất thực hiện dự án Trung tâm nghiên cứu và Phát triển phần mềm, nhà điều hành sản xuất kinh doanh, hiện dự án đang được tiếp tục thực hiện.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	184.777.380.176	184.777.380.176	138.064.020.549	138.064.020.549
	4.434.621.506	4.434.621.506	4.917.734.265	4.917.734.265
	156.112.355	156.112.355	377.956.539	377.956.539
	189.368.114.037	189.368.114.037	143.359.711.353	143.359.711.353

Phải trả người bán hoạt động thương mại
Phải trả người bán hoạt động xây dựng
Phải trả người bán hoạt động dịch vụ
Cộng

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	51.973.592.767	51.973.592.767	127.368.401.324	127.368.401.324
	51.973.592.767	51.973.592.767	127.368.401.324	127.368.401.324

Người mua trả tiền trước hoạt động thương mại
Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước hoạt động thương mại	841.196.860	60.417.880
Cộng	841.196.860	60.417.880

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	117.410.359	80.621.559
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.721.300	47.721.300
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	43.142.312	85.291.679
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.247.045.381	37.352.208.835
- Phải trả ông Bùi Đức Mạnh	1.447.649.831	1.447.649.831
- Phải trả ông Đỗ Xuân Giao Hường	3.021.464.702	3.021.464.702
- Phải trả ông Trần Quang Oánh	24.817.909.082	25.017.909.082
- Các khoản phải trả khác	960.021.766	7.865.185.220
Cộng	30.455.319.352	37.565.843.373
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.346.800.000	761.454.546
Phải trả tiền góp vốn Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội (i)	107.605.381.065	105.105.381.065
Cộng	109.952.181.065	105.866.835.611
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	107.605.381.065	96.991.141.080

- (i) Theo Hợp đồng số 01/HĐ/HTĐT/CG-ELINCO/2014 ngày 25 tháng 06 năm 2014, Công ty hợp tác với Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội để triển khai công trình xây dựng "Trung tâm nghiên cứu và phát triển phần mềm, nhà điều hành sản xuất và kinh doanh, khu bao gói sản phẩm nhà máy sản xuất thẻ thông minh (Dự án Cầu Giấy)" tại Lô B1F, cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ Quận Cầu Giấy. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất góp 5% giá trị hợp tác đầu tư, Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội góp 95% giá trị hợp tác đầu tư. Hai bên được hưởng diện tích sản phẩm chia theo tỷ lệ góp vốn. Hiện tại, dự án đang ngừng thi công do chờ cấp phép xây dựng chuyển đổi mục đích dự án. Theo Quyết định số 5513/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND TP. Hà Nội về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng do nguyên nhân bất khả kháng dịch bệnh Covid 19 đối với sử dụng đất thực hiện dự án Trung tâm nghiên cứu và Phát triển phần mềm, nhà điều hành sản xuất kinh doanh, hiện dự án đang được tiếp tục thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.866.717.933	17.866.717.933	33.257.695.553	15.390.977.620	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	17.866.717.933	17.866.717.933	33.257.695.553	15.390.977.620	-	-
Tổng	17.866.717.933	17.866.717.933	33.257.695.553	15.390.977.620	-	-

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng số 93880.22.056.5016.TD ngày 21/10/2022, hạn mức cho vay 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày 20 tháng 09 năm 2023, lãi suất vay trong năm là 5,3%/năm. Mục đích sử dụng vốn nhằm thanh toán tiền hàng cho Công ty Novasys Services PTE.LTD theo hợp đồng số 28082023/NOV-ELINCO ngày 28/08/2023. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa, quyền đòi nợ, tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội và các tài sản khác quy định tại Hợp đồng thế chấp số 160709.23.056.5016.BD ngày 20/09/2023.

17. Vốn chủ sở hữu						
a. Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu						
Số dư đầu năm trước	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận tăng trong năm	50.000.000.000	4.306.808.095	590.148.939	8.112.230.593	63.009.187.627	7.255.777.748
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(112.230.593)
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	4.306.808.095	590.148.939	7.255.777.748	62.152.734.782	5.517.386.497
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	(6.750.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(505.777.748)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	590.148.939
Điều chuyển quỹ (**)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	4.306.808.095	-	6.107.535.436	60.414.343.531	-

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và điều chuyển quỹ khác của Chủ sở hữu căn cứ vào Nghị quyết số 60/NQ-ELINCO của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 03 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP IDS Equity Holdings	14.092.120.000	14.092.120.000
Ông Đỗ Quang Tảo	7.051.000.000	7.051.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	5.419.060.000	5.419.060.000
Bà Đỗ Thị Hằng	4.180.870.000	4.180.870.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bách Nhân	8.003.970.000	8.003.970.000
Ông Lê Thành Trung	2.790.000.000	2.790.000.000
Ông Phạm Mạnh Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
Bộ Quốc phòng	2.250.000.000	2.250.000.000
Cổ đông khác	3.712.980.000	3.712.980.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	688.261.159.546	401.629.893.995
Trong đó		
Doanh thu hoạt động thương mại	614.553.264.609	359.110.617.460
Doanh thu hoạt động xây lắp	23.342.554.558	11.296.346.192
Doanh thu dịch vụ	50.365.340.379	31.222.930.343
Cộng	688.261.159.546	401.629.893.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	688.261.159.546	401.629.893.995

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động thương mại	604.309.903.905	343.816.807.292
Giá vốn hoạt động xây lắp	22.113.223.817	10.736.918.905
Giá vốn hoạt động dịch vụ	37.696.106.354	25.939.350.418
Cộng	664.119.234.076	380.493.076.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.427.366.645	2.034.398.326
Lãi chênh lệch tỷ giá	430.329.163	1.110.903.559
Cộng	3.857.695.808	3.145.301.885

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.044.624.012	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.451.555.773	2.356.443.182
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	280.000.000
Cộng	2.496.179.785	2.636.443.182

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	9.803.148.844	8.907.281.960
Chi phí khấu hao tài sản	767.934.027	682.111.818
Chi phí dự phòng	-	382.222.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.512.145.352	1.685.224.190
Chi phí bằng tiền khác	733.779.065	756.100.208
Cộng	13.817.007.288	12.412.941.021

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập chi phí trích trước	129.075.285	232.514.517
Các khoản khác	100.500	463.237.990
Cộng	129.175.785	695.752.507

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.876.656.885	-
Tiền phạt hành chính, vi phạm hợp đồng	8.192.534	443.082.020
Các khoản khác	8.392.259	331.471.875
Cộng	4.893.241.678	774.553.895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.922.368.312	9.153.933.674
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận theo kế toán	31.505.503	(161.370.205)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	214.356.225
Thu nhập không phải tính thuế năm nay do đã tính thuế ở kỳ trước	-	214.356.225
Các khoản điều chỉnh tăng	31.505.503	52.986.020
Chi phí không được trừ	31.505.503	52.986.020
Các khoản điều chỉnh giảm theo BB thanh tra thuế	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.953.873.815	8.992.563.469
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.390.774.763	1.798.512.694
Nộp bổ sung thuế TNDN năm trước	14.207.052	99.643.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.404.981.815	1.898.155.926

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.517.386.497	7.255.777.748
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(384.599.889)	(505.777.748)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.132.786.608	6.750.000.000
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.027	1.350

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2022 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.255.777.748	-	7.255.777.748
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(100.381.791)	(405.395.957)	(505.777.748)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.155.395.957	(405.395.957)	6.750.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.000.000	-	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.431	(81)	1.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.565.790.207	26.373.749.799
Chi phí nhân công	9.803.148.844	8.907.281.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.303.909.931	2.857.381.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.589.755.668	3.020.024.701
Chi phí khác bằng tiền	4.147.686.272	2.569.498.435
Cộng	74.410.290.922	43.727.936.798

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội

Thành viên HĐQT là
đại diện theo pháp luật

Công ty TNHH MTV Đầu tư Bách Nhân

Thành viên HĐQT là
đại diện theo pháp luật

Công ty CP Tập đoàn MK

Thành viên HĐQT là
đại diện theo pháp luật

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội	86.179.386	86.179.386
Cộng	86.179.386	86.179.386
Phải trả khác		
Công ty CP Đầu tư Sen Hoàng Gia Hà Nội	107.605.381.065	105.105.381.065
Cộng	107.605.381.065	105.105.381.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Họ và tên	Năm nay VND	Năm trước VND
Đỗ Quang Tảo	691.000.000	583.500.000
Nguyễn Trọng Khang	144.000.000	144.000.000
Nguyễn Trung Hà	120.000.000	120.000.000
Lê Minh Thành	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quang Huy	60.000.000	60.000.000
Lê Quang Hưng	-	48.000.000
Phạm Quang Trung	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Việt Hùng	646.000.000	541.500.000
Lưu Quang Hòa	256.500.000	405.330.000
Đặng Thị Thủy	494.230.000	402.500.000
Lê Thị Thanh Tâm	38.783.000	-
Cộng	2.618.513.000	2.472.830.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Hồng Thắm
Người lập biểu


Trần Thị Tân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2024

